CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 322/2026/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2026*

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 2

"c) Tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học là doanh nghiệp, chi nhánh của doanh nghiệp, tổ chức giáo dục nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, có đăng ký ngành, nghề kinh doanh hoặc các đơn vị sự nghiệp có chức năng, nhiệm vụ tư vấn du học theo quy định của pháp luật;"

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4

"1. Hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử quản lý công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật (sau đây gọi chung là Hệ thống cơ sở dữ liệu) là Cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng; được kết nối, đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác có liên quan theo quy định của pháp luật."

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 5

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Hồ sơ dự tuyển gồm:

a) Phiếu đăng ký dự tuyển đi học ở nước ngoài (theo Mẫu số 1a tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Công văn của cơ quan quản lý trực tiếp cử dự tuyển (đối với trường hợp có cơ quan công tác);

c) Cam kết thực hiện trách nhiệm của người được cử đi dự tuyển theo yêu cầu của cơ quan quản lý trực tiếp (đối với trường hợp có cơ quan công tác);

d) Sơ yếu lý lịch cá nhân theo quy định hiện hành, có xác nhận của cơ quan quản lý trực tiếp (đối với trường hợp có cơ quan công tác);

đ) Bản sao có chứng thực văn bằng, chứng chỉ chuyên môn, ngoại ngữ đáp ứng quy định của chương trình học bổng. Cơ quan cử đi học khai thác, sử dụng thông tin về văn bằng đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo theo quy định để kiểm tra, đối chiếu và thay thế việc nộp bản sao có chứng thực văn bằng. Trường hợp cơ sở giáo dục nước ngoài yêu cầu nộp bản giấy hoặc cơ quan cử đi học không khai thác được hoặc khai thác không đầy đủ thông tin, dữ liệu về văn bằng trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo thì yêu cầu cá nhân nộp bổ sung giấy tờ tương ứng theo quy định;

e) Giấy khám sức khỏe của cơ sở y tế cấp tỉnh xác nhận đủ điều kiện đi học nước ngoài. Cơ quan cử đi học khai thác, đối chiếu thông tin giấy khám sức khỏe của ứng viên từ Cơ sở dữ liệu nền tảng sổ sức khỏe điện tử, ứng viên không phải nộp bản giấy (trừ trường hợp cơ sở giáo dục nước ngoài có yêu cầu nộp bản giấy);

g) Các giấy tờ khác (nếu có) theo yêu cầu của chương trình học bổng và cơ quan cử đi học."

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Trình tự thực hiện:

a) Ứng viên dự tuyển nộp 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này cho cơ quan cử đi học trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia;

b) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ dự tuyển, cơ quan cử đi học tổ chức thực hiện tuyển sinh. Trường hợp cần bổ sung hồ sơ theo quy định của từng chương trình học bổng, ứng viên thực hiện việc bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cử đi học. Cơ quan cử đi học ban hành quyết định phê duyệt danh sách ứng viên được sơ tuyển hoặc trúng tuyển và thông báo kết quả cho ứng viên qua thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Đối với hồ sơ nộp qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, kết quả giải quyết thủ tục được trả trên Cổng Dịch vụ công quốc gia."

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 như sau:

"a) Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện tuyển sinh và cử công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập bằng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định này;"

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 10

1. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ nhất của điểm c khoản 2 như sau:

"- Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc khóa học, du học sinh phải nộp 01 bộ hồ sơ cho cơ quan cử đi học trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia;"

2. Bổ sung khoản 5 Điều 10 như sau:

"5. Du học sinh quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này đã hoàn thành chương trình học tập, đủ điều kiện được cấp văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp nhưng chưa về nước, ở lại nước ngoài tiếp tục học lên trình độ cao hơn hoặc thực tập sau tốt nghiệp thì không được chi trả kinh phí mua vé máy bay về nước hoặc phương tiện đi lại khác (nếu có) và phải được sự đồng ý của cơ quan cử đi học, cơ quan quản lý trực tiếp (đối với trường hợp có cơ quan công tác)."

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 11

"a) Ra quyết định tuyển chọn, cử công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, tiếp nhận du học sinh về nước theo các quy định tại Nghị định này. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan phổ biến các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ bí mật nhà nước, các quy định có liên quan đối với công dân Việt Nam trước khi ra nước ngoài học tập;"

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung Điều 12

"**Điều 12. Đền bù chi phí đào tạo**

1. Việc đền bù chi phí đào tạo đối với du học sinh là công chức, viên chức quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức và Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

2. Việc đền bù chi phí đào tạo đối với du học sinh không phải là công chức, viên chức quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này, không chấp hành sự điều động làm việc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi tốt nghiệp được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 143/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ và Nghị định số 51/2026/NĐ-CP ngày 02

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

tháng 02 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2013/NĐ-CP quy định về bồi hoàn học bổng và chi phí đào tạo.

3. Việc đền bù chi phí đào tạo đối với du học sinh có cơ quan công tác và không phải là công chức, viên chức quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này, tự ý bỏ học, bị kỷ luật buộc thôi học, bỏ việc trong thời gian đào tạo, không được cơ sở đào tạo cấp văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp do cơ quan quản lý trực tiếp du học sinh thực hiện theo quy định tại Điều 13 và Điều 13a Nghị định này.

4. Việc đền bù chi phí đào tạo đối với du học sinh không có cơ quan công tác quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này, tự ý bỏ học, bị kỷ luật buộc thôi học, không được cơ sở đào tạo cấp văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp do cơ quan cử đi học thực hiện theo quy định tại Điều 13 và Điều 13a Nghị định này.

5. Việc đền bù chi phí đào tạo đối với du học sinh quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị định này được thực hiện theo quy định hợp tác giữa các cơ quan nhà nước của Việt Nam với phía nước ngoài đài thọ học bổng."

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung Điều 13

"**Điều 13. Chi phí đền bù, điều kiện không phải đền bù chi phí đào tạo**

1. Chi phí đền bù là toàn bộ chi phí đào tạo gồm có học phí, chi phí đi lại, sinh hoạt phí và các chi phí khác liên quan đến học tập đã được ngân sách nhà nước chi trả cho du học sinh quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này và do cơ quan cử đi học cung cấp.

2. Du học sinh không phải là công chức, viên chức quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này phải đền bù 100% chi phí đào tạo khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tự ý bỏ học, bỏ việc trong thời gian đào tạo;

b) Bị kỷ luật buộc thôi học;

c) Không được cơ sở đào tạo cấp văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp.

3. Điều kiện không phải đền bù chi phí đào tạo đối với du học sinh không được cơ sở đào tạo cấp văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Bị rủi ro do thiên tai, dịch bệnh hoặc nước đến học xảy ra chiến sự có xác nhận của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước sở tại hoặc cơ sở giáo dục nước ngoài hoặc cơ quan có thẩm quyền của phía nước ngoài;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

b) Do bị bệnh hiểm nghèo hoặc vì lý do sức khỏe được xác nhận bởi cơ sở y tế có thẩm quyền trong nước hoặc nước ngoài về việc không đủ sức khỏe để tiếp tục học tập ở nước ngoài hoặc trường hợp du học sinh đã chết.

4. Trường hợp du học sinh không được cơ sở đào tạo cấp văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp vì lý do liên quan đến lĩnh vực an ninh, quốc phòng, lợi ích quốc gia thì cơ quan cử đi học (đối với trường hợp không có cơ quan công tác) hoặc cơ quan quản lý trực tiếp (đối với trường hợp có cơ quan công tác) xem xét, quyết định việc không phải đền bù chi phí đào tạo theo quy định tại Điều 13a Nghị định này."

Điều 8. Bổ sung Điều 13a vào sau Điều 13

"Điều 13a. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục không phải đền bù chi phí đào tạo và thu hồi chi phí đền bù

1. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị không phải đền bù chi phí đào tạo (theo Mẫu số 5a tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Bản sao một trong các giấy tờ chứng minh thuộc trường hợp không phải đền bù chi phí đào tạo gồm: giấy xác nhận của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước sở tại hoặc cơ sở giáo dục nước ngoài hoặc cơ quan có thẩm quyền của phía nước ngoài đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 13 Nghị định này; giấy xác nhận của cơ sở y tế có thẩm quyền trong nước hoặc nước ngoài đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định này (đối với Giấy xác nhận bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt), giấy chứng tử hoặc giấy khai tử hoặc trích lục khai tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp du học sinh đã chết; tài liệu, minh chứng liên quan (nếu có) đối với trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định này.

Trường hợp cơ quan cử đi học, cơ quan quản lý trực tiếp khai thác được các thông tin nêu trên từ Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc từ cơ quan nhà nước thì du học sinh hoặc gia đình du học sinh không phải cung cấp các văn bản trên và chỉ cung cấp thông tin để có cơ sở đối chiếu, khai thác dữ liệu.

2. Trình tự thực hiện:

a) Du học sinh thuộc trường hợp không phải đền bù chi phí đào tạo theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 13 Nghị định này hoặc gia đình du học sinh nộp 01 bộ hồ sơ đến cơ quan cử đi học hoặc cơ quan quản lý trực tiếp (đối với trường hợp có cơ quan công tác) theo một trong các hình thức trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ, cơ quan cử đi học hoặc cơ quan quản lý trực tiếp thông báo cho du học sinh hoặc gia đình du học sinh để bổ sung và hoàn thiện theo quy định;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

c) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cử đi học hoặc cơ quan quản lý trực tiếp xem xét, ra quyết định không phải đền bù chi phí đào tạo đối với du học sinh. Quyết định không phải đền bù chi phí đào tạo (theo Mẫu số 5b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) được gửi cho du học sinh hoặc gia đình du học sinh.

3. Cơ quan cử đi học (đối với trường hợp không có cơ quan công tác) hoặc cơ quan quản lý trực tiếp (đối với trường hợp có cơ quan công tác) ra quyết định đền bù 100% chi phí đào tạo đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định này (trừ trường hợp không phải đền bù chi phí đào tạo). Quyết định đền bù chi phí đào tạo (theo Mẫu số 5b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) được gửi cho du học sinh.

4. Kể từ ngày nhận được quyết định đền bù chi phí đào tạo, du học sinh có trách nhiệm nộp trả đầy đủ chi phí đền bù hoặc nộp trả chi phí đền bù làm nhiều đợt trong thời hạn tối đa không vượt quá thời gian đào tạo theo quyết định cử đi học. Cơ quan cử đi học, cơ quan quản lý trực tiếp (đối với trường hợp có cơ quan công tác) có trách nhiệm theo dõi, thu hồi chi phí đền bù.

5. Chi phí đền bù được nộp cho cơ quan cử đi học hoặc cơ quan quản lý trực tiếp đã chi trả kinh phí cho du học sinh hoặc nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

6. Trường hợp du học sinh không thực hiện trách nhiệm đền bù chi phí đào tạo theo quy định hoặc cơ quan quản lý trực tiếp du học sinh, cơ quan cử đi học (đối với trường hợp không có cơ quan công tác) và du học sinh không thống nhất được việc đền bù chi phí đào tạo, các bên liên quan có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật. Cơ quan cử đi học hoặc cơ quan quản lý trực tiếp du học sinh có trách nhiệm cập nhật thông tin về các trường hợp phải đền bù chi phí đào tạo vào Hệ thống cơ sở dữ liệu quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này và các cơ sở dữ liệu có liên quan theo quy định của pháp luật.

7. Việc thu hồi chi phí đền bù đối với du học sinh quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị định này được thực hiện theo quy định hợp tác giữa cơ quan nhà nước của Việt Nam với phía nước ngoài đài thọ học bổng."

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung Điều 15

"Điều 15. Nội dung hoạt động kinh doanh dịch vụ tư vấn du học, quyền và trách nhiệm của tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học

1. Nội dung hoạt động kinh doanh dịch vụ tư vấn du học

a) Giới thiệu, tư vấn thông tin về chính sách giáo dục của các quốc gia và vùng lãnh thổ; tư vấn lựa chọn trường học, khóa học, ngành nghề và trình độ phù hợp với khả năng và nguyện vọng của người học;

b) Tổ chức quảng cáo, hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm về du học theo quy định của pháp luật; tổ chức chiêu sinh, tuyển sinh du học;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

c) Tổ chức đưa công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, đưa cha mẹ hoặc người giám hộ tham quan nơi đào tạo ở nước ngoài theo quy định của pháp luật;

d) Ký hợp đồng tư vấn du học với người có nhu cầu đi du học hoặc cha, mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của người học theo nguyên tắc thỏa thuận, tự nguyện. Nội dung hợp đồng tư vấn du học phải ghi rõ ngành, nghề học, tên trường, nước đến học, thời hạn học tập, văn bằng, chứng chỉ sau khi tốt nghiệp; các khoản chi phí, thù lao liên quan đến dịch vụ tư vấn du học mà người học, cha mẹ hoặc người giám hộ phải nộp; quyền lợi, trách nhiệm và cam kết của mỗi bên; biện pháp xử lý rủi ro; không ký hợp đồng vừa đi du học vừa đi làm việc;

đ) Thực hiện niêm yết công khai thông tin tại trụ sở và tại trang thông tin điện tử của tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học, bao gồm: Quyết định thành lập tổ chức hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; thông tin liên quan đến ngành, nghề, chương trình đào tạo, tình trạng kiểm định hoặc công nhận chất lượng giáo dục của các cơ sở giáo dục nước ngoài đã ký thỏa thuận hợp tác hoặc đại diện tuyển sinh với tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học; thông tin về học phí, chi phí sinh hoạt và các khoản phí dịch vụ; báo cáo hoạt động kinh doanh dịch vụ tư vấn du học đã gửi cơ quan nhà nước hằng năm; đồng thời chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin và nội dung công khai;

e) Các hoạt động khác liên quan đến kinh doanh dịch vụ tư vấn du học.

2. Quyền của tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học

a) Được ký kết hợp đồng đại diện tuyển sinh với các cơ sở giáo dục nước ngoài;

b) Được hưởng thù lao theo thỏa thuận tại hợp đồng tư vấn du học;

c) Được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Trách nhiệm của tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học

a) Bảo đảm nhân viên trực tiếp tư vấn du học có kiến thức chuyên môn và năng lực phù hợp với nội dung tư vấn du học; có tài liệu phục vụ cho việc giới thiệu, tư vấn thông tin về chính sách giáo dục của các quốc gia và vùng lãnh thổ, tư vấn thông tin về trường học, khóa học, ngành nghề và trình độ đào tạo;

b) Tư vấn thông tin trung thực, chính xác về các điều kiện liên quan đến tình trạng kiểm định chất lượng của chương trình giáo dục và cơ sở giáo dục nước ngoài; học phí và sinh hoạt phí dự kiến và các loại phí liên quan; điều kiện sinh sống, chính sách làm thêm giờ theo quy định của nước tiếp nhận du học sinh; những khó khăn, rủi ro có thể gặp phải trong quá trình du học;

c) Không ủy quyền hoặc nhận ủy quyền của tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học khác để triển khai kinh doanh dịch vụ tư vấn du học cho người có nhu cầu đi du học ở nước ngoài;

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

d) Tổ chức bồi dưỡng, cung cấp thông tin cần thiết về chính trị, pháp luật, quyền, trách nhiệm của du học sinh và các kỹ năng cần thiết cho công dân Việt Nam trước khi ra nước ngoài học tập;

đ) Giữ mối liên hệ, phối hợp với cơ sở giáo dục nước ngoài, theo dõi và hỗ trợ du học sinh trong thời gian học tập ở nước ngoài; cung cấp thông tin của du học sinh trước khi ra nước ngoài học tập, đôn đốc du học sinh cập nhật thông tin vào Hệ thống cơ sở dữ liệu quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này; chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của du học sinh;

e) Lưu trữ hồ sơ đưa công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập và các tài liệu có liên quan trong thời gian du học sinh học tập ở nước ngoài; cung cấp thông tin đánh giá về hiệu quả của việc tư vấn công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, hồ sơ, tài liệu, thông tin có liên quan khi cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu;

g) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 28 Nghị định này."

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung điểm l khoản 2 Điều 19

"l) Gửi báo cáo qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp hoặc trực tuyến cho cơ quan quản lý trực tiếp 06 tháng một lần hoặc đột xuất (Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) đối với trường hợp ra nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật có thời gian từ 01 năm trở lên. Trong vòng 20 ngày làm việc từ khi kết thúc thời gian giảng dạy, nghiên cứu và trao đổi học thuật tại nước ngoài, cá nhân phải về nước, báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp, cơ quan có thẩm quyền cử công dân Việt Nam ra nước ngoài giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật (nếu có) và cập nhật thông tin vào Hệ thống cơ sở dữ liệu quy định tại Điều 4 Nghị định này."

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 20

"a) Thực hiện các quyền về hợp tác với nước ngoài theo quy định của pháp luật có liên quan;"

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung Điều 21

"**Điều 21. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

1. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục đối với công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 28 Nghị định này.

2. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm đối với hoạt động đưa công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật."

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số quy định của Nghị định số 86/2021/NĐ-CP

1. Bỏ cụm từ "Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội" tại điểm d khoản 4 Điều 5, khoản 5 Điều 26, khoản 1, khoản 3 Điều 28. Bỏ cụm từ "cơ sở đào tạo nghiệp vụ tư vấn du học" tại điểm b, điểm d, điểm e khoản 3 Điều 28.

2. Thay thế một số từ, cụm từ như sau:

a) Thay thế từ "bồi hoàn" bằng từ "đền bù" tại điểm g khoản 2 Điều 6, khoản 4 Điều 10, điểm d khoản 2 Điều 11, điểm c, điểm d khoản 4 Điều 11;

b) Thay thế cụm từ "đường bưu điện" bằng cụm từ "dịch vụ bưu chính" tại điểm e khoản 2 Điều 6, điểm a khoản 3 Điều 7, điểm a khoản 3 Điều 8, điểm a khoản 3 Điều 9;

c) Thay thế cụm từ "qua bưu điện" bằng cụm từ "qua dịch vụ bưu chính" tại điểm d khoản 1, điểm d khoản 2, điểm d khoản 3 Điều 28.

3. Bổ sung một số cụm từ như sau:

a) Bổ sung cụm từ "tại Bộ phận Một cửa" sau từ "trực tiếp", cụm từ "tại Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia" sau từ "trực tuyến" tại điểm a khoản 3 Điều 7, điểm a khoản 3 Điều 8, điểm a khoản 3 Điều 9;

b) Bổ sung cụm từ "gồm có học phí" sau cụm từ "chi phí đào tạo" tại khoản 1, khoản 2 Điều 3.

4. Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 09, Mẫu số 10, Mẫu số 11 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 86/2021/NĐ-CP tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Bãi bỏ điểm b khoản 4 Điều 5, Điều 16, Điều 22, gạch đầu dòng thứ 3 điểm g khoản 3 Điều 28 và mẫu số 14 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 86/2021/NĐ-CP.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 10 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp

1. Du học sinh đã được cơ quan quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cử đi học ban hành quyết định đền bù chi phí đào tạo trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 86/2021/NĐ-CP.

2. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, trường hợp du học sinh đang trong quá trình xét đền bù chi phí đào tạo và chưa có quyết định của cơ quan quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cử đi học thì được áp dụng theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (02). DNam.14

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Lê Tiến Châu

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 322/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ)

I	**Bổ sung Mẫu số 1a, Mẫu số 5a, Mẫu số 5b**
Mẫu số 1a	Phiếu đăng ký dự tuyển đi học ở nước ngoài
Mẫu số 5a	Đơn đề nghị không phải đền bù chi phí đào tạo
Mẫu số 5b	Quyết định không phải đền bù chi phí đào tạo/Quyết định đền bù chi phí đào tạo
II	**Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 09, Mẫu số 10, Mẫu số 11 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 86/2021/NĐ-CP**
Mẫu số 09	Danh sách tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học
Mẫu số 10	Báo cáo công tác quản lý việc tuyển sinh và cử công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập thông qua các tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học và thông qua ngân sách địa phương (dùng cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)
Mẫu số 11	Báo cáo hoạt động tư vấn du học (dùng cho tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học)

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Mẫu số 1a

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN ĐI HỌC Ở NƯỚC NGOÀI

Trình độ dự tuyển (cao đẳng/đại học/thạc sĩ/tiến sĩ/thực tập/bồi dưỡng, …):.....

Nước dự tuyển: .....

Ngành học dự tuyển: .....

Ngoại ngữ sử dụng học ở nước ngoài: .....

1. Họ và tên: ..... Giới tính: □ Nam □ Nữ.

2. Số định danh cá nhân/Căn cước: .....

3. Cơ quan đang công tác/Chức vụ (nếu có):

4. Nơi thường trú: .....

Điện thoại di động:.....E-mail:

Địa chỉ liên hệ: .....

.....

.....

5. Trình độ ngoại ngữ: □ Có chứng chỉ □ Chưa có chứng chỉ

Tiếng Anh: ..... IELTS .....TOEFL Ngày cấp:.....Nơi cấp: .....

Tiếng Pháp ..... TCF ..... Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Tiếng ……: .... Ngày cấp:.....Nơi cấp: .....

6. Quá trình đào tạo:

6.1. Trung học phổ thông (1)

Trường: .....

Kết quả học tập: Lớp 10: Lớp 11: Lớp 12:

Điểm xét tốt nghiệp THPT: .....

Nước đến học (2): ....

Cơ sở giáo dục nước ngoài: Thời gian: từ.....đến..... ....

Kết quả học tập:

6.2. Đại học:

Thời gian đào tạo: ..... năm. Từ..... ..... đến.....

Trường:..... ....

Nước đến học (2): ....

Hệ đào tạo: □ Chính quy □ Tại chức □ Khác (ghi rõ):..

□ Đào tạo phối hợp:

Cơ sở giáo dục trong nước: Thời gian: từ.....đến..... .....

Cơ sở giáo dục nước ngoài: Thời gian: từ.....đến..... .....

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Ngành đào tạo:.....

Điểm trung bình học tập toàn khóa: .....

Điểm bảo vệ luận văn tốt nghiệp (nếu có): .....

Loại tốt nghiệp (nếu có):.....

(Nếu không phải là thang điểm 10 thì cần ghi rõ điểm học tập/thang điểm của nơi học và tính quy đổi tương đương sang thang điểm 10, kèm theo bản sao thông tin chính thức về thang điểm, xếp loại của nơi học).

6.3. Thạc sĩ:

Thời gian đào tạo: ..... năm. Từ..... ..... đến.....

Trường:..... ....

Nước đến học (2): ....

Hệ đào tạo: □ Chính quy □ Khác (ghi rõ):...

□ Đào tạo phối hợp:

Cơ sở giáo dục trong nước: Thời gian: từ..... .....đến.....

Cơ sở giáo dục nước ngoài: Thời gian: từ.....đến..... .....

Ngành đào tạo:.....

Điểm trung bình học tập toàn khóa: .....

Điểm bảo vệ luận văn tốt nghiệp (nếu có):.....

Loại tốt nghiệp (nếu có):.....

(Nếu không phải là thang điểm 10 thì cần ghi rõ điểm học tập/thang điểm của nơi học và tính quy đổi tương đương sang thang điểm 10, kèm theo bản sao thông tin chính thức về thang điểm, xếp loại của nơi học).

6.4. Tiến sĩ:

Thời gian đào tạo: ..... năm. Từ..... ..... đến.....

Trường:..... ....

Nước đến học (2): ....

Hệ đào tạo: □ Chính quy □ Khác (ghi rõ): .....

□ Đào tạo phối hợp:

Cơ sở giáo dục trong nước: Thời gian: từ..... .....đến.....

Cơ sở giáo dục nước ngoài: Thời gian: từ.....đến..... .....

Ngành đào tạo:.....

7. Thông tin khác (nếu có) theo yêu cầu của chương trình học bổng, cơ quan cử đi học:.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Người đăng ký dự tuyển

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Kê khai đối với trường hợp dự tuyển đi học đại học hoặc theo yêu cầu của chương trình học bổng, cơ quan cử đi học.

(2) Kê khai đối với trường hợp học ở nước ngoài.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Mẫu số 5a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ KHÔNG PHẢI ĐỀN BÙ CHI PHÍ ĐÀO TẠO

Kính gửi: .....(1)

Tôi là: (2) .....
Số định danh cá nhân/Căn cước: .....
Địa chỉ liên lạc: .....
Điện thoại: .....
Email: .....
Đề nghị không phải đền bù chi phí đào tạo như sau:
Họ và tên du học sinh: .....
Cơ quan quản lý trực tiếp (nếu có): .....
Được cử đi học ở nước ngoài theo Quyết định số … ngày … tháng ... năm… của … về việc ....
Cơ sở giáo dục đến học, nước đến học: .....
Trình độ đào tạo: .....
Ngành nghề đào tạo: .....
Thời gian đào tạo theo Quyết định cử đi học: .....
Ngày dừng học: .....
Lý do đề xuất không phải đền bù chi phí đào tạo: .....
Tài liệu, minh chứng kèm theo: (3) .....
Trân trọng đề nghị Quý cơ quan xem xét cho tôi được không phải đền bù chi phí đào tạo.

....., ngày ... tháng ... năm .....
Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:
(1) Cơ quan quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cử đi học có thẩm quyền xem xét, quyết định không phải đền bù chi phí đào tạo.
(2) Ghi rõ là du học sinh hay bố, mẹ đẻ hoặc chồng, vợ hoặc người đại diện hợp pháp khác của du học sinh.
(3) Nêu rõ loại giấy tờ chứng minh thuộc trường hợp không phải đền bù chi phí đào tạo theo quy định tại Nghị định này.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Mẫu số 5b

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../QĐ-.....

..., ngày... tháng... năm .....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc .....(2).....

THẨM QUYỀN BAN HÀNH.....(3).....

Căn cứ..... (4).....;

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều... ..... (5).....

Điều... .....(6).....

Điều... .....(7).....

Nơi nhận:
- Như Điều...;
- .....;
- Lưu: VT, (8) A.xx (9).

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Cơ quan cử đi học hoặc Cơ quan quản lý trực tiếp có thẩm quyền ra quyết định.

(2) Ghi rõ không phải đền bù chi phí đào tạo hay đền bù chi phí đào tạo.

(3) Chức vụ của người đứng đầu cơ quan ban hành quyết định.

(4) Nêu các căn cứ để ban hành quyết định (*văn bản thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức ban hành quyết định; các văn bản pháp lý liên quan trực tiếp đến vấn đề giải quyết trong nội dung quyết định*).

(5) Ghi rõ nội dung quyết định.

(6) Hiệu lực thi hành của quyết định.

(7) Trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định.

(8) Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

(9) Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Mẫu số 09

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/ THÀNH PHỐ....	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TỔ CHỨC KINH DOANH DỊCH VỤ TƯ VẤN DU HỌC NĂM.....

(Kèm theo Báo cáo số /BC-..... ngày... tháng... năm.....)

STT	Tên giao dịch của tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học (bằng tiếng Việt)	Tên giao dịch quốc tế của tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học (bằng tiếng Anh)	Phạm vi tư vấn du học		Tổng số công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập	Địa chỉ	Điện thoại liên hệ	Web/ Email	Tình trạng hoạt động	Ghi chú
			Giáo dục phổ thông, đại học, bồi dưỡng ngoại ngữ	Sơ cấp, trung cấp, cao đẳng						
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Công ty A									
2	Công ty B									
...										

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Lập biểu trên Microsoft Excel, phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 12, trên cùng 1 file gồm các biểu khác nhau;
- Cột số 1: Tên tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học (TVDH);
- Cột số 2: Tên tiếng Anh của tổ chức kinh doanh dịch vụ TVDH;
- Cột số 3, cột số 4: Phạm vi tư vấn du học;
- Cột số 5: Tổng số công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập trong năm;
- Cột số 6: Địa chỉ trụ sở ghi trong đăng ký;
- Cột số 7: Số điện thoại liên hệ của tổ chức kinh doanh dịch vụ TVDH;
- Cột số 8: Website hoặc Email liên hệ của tổ chức kinh doanh dịch vụ TVDH;
- Cột số 9: Ghi rõ tình trạng hoạt động: đang hoạt động, dừng hoạt động.

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Mẫu số 10

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/ THÀNH PHỐ ...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: .../BC-.....	*...., ngày ... tháng ... năm ...*

BÁO CÁO

Công tác quản lý công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập năm ...

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Nghị định số: /202.../NĐ-CP ngày tháng năm 202... của Chính phủ quy định việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật, Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ..... báo cáo về công tác quản lý công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập của địa phương thông qua các tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học và thông qua nguồn ngân sách của địa phương như sau:

I. Công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập theo diện tự túc thông qua các tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học

1. Tình hình hoạt động của các tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học và thống kê danh sách công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập

1.1. Tổng hợp danh sách tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học năm ..... *(theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).*

1.2. Thống kê số lượng công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập năm ..... *(theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).*

Số lượng du học sinh đã tốt nghiệp trong năm *(Tổng số đã tốt nghiệp, số đã về nước, số chưa về nước).*

2. Công tác quản lý các tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học

2.1. Việc ban hành các văn bản hướng dẫn.

2.2. Công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động các tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học *(số lượng cuộc thanh tra, kiểm tra; những ưu điểm và các vấn đề chủ yếu phát hiện qua thanh, kiểm tra; biện pháp xử lý đã thực hiện).*

II. Tình hình thực hiện tuyển sinh và cử công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập theo nguồn ngân sách nhà nước của địa phương (nếu có)

.....

.....

.....

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Thống kê số lượng du học sinh ra nước ngoài học tập theo nguồn ngân sách của địa phương hoặc các nguồn học bổng khác (nếu có) theo Mẫu số 08 ban hành kèm theo Nghị định này.

III. Khó khăn, vướng mắc

.....

.....

.....

IV. Kiến nghị, đề xuất

.....

.....

.....

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

Mẫu số 11

(Dùng cho Tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học)

TÊN TỔ CHỨC KINH DOANH DỊCH VỤ TƯ VẤN DU HỌC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC- ...	....., *ngày ..... tháng ..... năm .....*

BÁO CÁO
Hoạt động tư vấn du học năm .....

1. Thông tin chung về tổ chức tư vấn du học:

- Tên tổ chức tư vấn du học:.....
- Địa chỉ:..... .....số điện thoại:..... Website/email:.....
- Phạm vi tư vấn du học:
- Danh sách nhân viên trực tiếp tư vấn du học (Họ tên, năm sinh, văn bằng, địa bàn phụ trách tư vấn).
- Năm bắt đầu hoạt động tư vấn du học và tổng số du học sinh đã tư vấn đi du học ở nước ngoài đến thời điểm báo cáo;
- Địa bàn hoạt động chủ yếu (Quốc gia/vùng lãnh thổ nước ngoài có nhiều du học sinh Việt Nam do tổ chức tư vấn đi học).

2. Tình hình hoạt động tư vấn du học và số lượng công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập năm ... *(năm báo cáo).*

2.1. Các thỏa thuận hợp tác/đại diện tuyển sinh: ghi cụ thể tên, địa chỉ, quốc gia của từng cơ sở đào tạo có thỏa thuận hợp tác/đại diện tuyển sinh.

2.2. Kết quả tư vấn du học

- Bảng tổng hợp danh sách chi tiết công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập trong năm ...

STT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Cơ quan quản lý trực tiếp/ Địa chỉ thường trú	Quốc gia đến học	Cơ sở giáo dục đến học	Trình độ đào tạo	Ngành học	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Tình trạng	Nguồn kinh phí	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Nguyễn Văn A												
2	Nguyễn Thị B												
...													
	Tổng												

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật

- Thống kê số lượng công dân Việt Nam đã đi học ở nước ngoài trong năm … *(theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).*

- Số lượng du học sinh đã tốt nghiệp trong năm ... *(số đã tốt nghiệp; số đã về nước, số chưa về nước).*

2.3. Các hoạt động khác:

- Hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm về du học đã tổ chức trong năm *(ghi tên, thời gian, địa điểm tổ chức, số người tham gia).*

- Tổ chức bồi dưỡng kỹ năng cần thiết, đào tạo ngoại ngữ cho công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập *(giấy phép đào tạo ngoại ngữ; số lớp, số học viên đã tham gia trong năm).*

3. Khó khăn, vướng mắc:

.....

.....

.....

4. Kiến nghị, đề xuất:

.....

.....

.....

Trân trọng.

Nơi nhận:
- .....;
- Lưu: VT, ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

LuatVietnam
Tiện ích văn bản luật